



Đại sứ quán Hoa Kỳ Hà Nội, Việt Nam

7 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam * Điện thoại: 84-4-772-1500 * Fax: 84-4-772-1510



[English](#)

DIỄN VĂN CỦA NGÀI ĐẠI SỨ MICHAEL W. MARINE Hội thảo về Việt Nam tổ chức ba năm một lần Lần thứ 5, Texas Tech. Ngày 17/3/2005

Xin cảm ơn tất cả các quý vị. Tôi rất vui có mặt tại đây ngày hôm nay. Tôi rất vinh dự có cơ hội được nói về vấn đề mà tôi đã có chút hiểu biết và cũng là vấn đề tôi hy vọng sẽ học hỏi được nhiều hơn trong vài ngày tới. Khi nhìn lịch làm việc của Hội thảo năm nay, tôi rất ấn tượng trước phạm vi các chủ đề cũng như sự hiểu biết sâu rộng của các diễn giả và các thành viên tham gia thảo luận. Những sự kiện chẳng hạn như hội thảo này sẽ cho chúng ta - cả đại biểu Hoa Kỳ và Việt Nam – có cơ hội nhìn lại và so sánh những nhận xét, đồng thời để xem chúng ta đang đứng ở đâu và cùng chia sẻ những suy nghĩ về hướng đi trong tương lai.

Với tinh thần như vậy, tôi muốn tranh thủ thời gian chia sẻ những suy nghĩ của tôi về vị trí của mối quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ hiện nay và chiều hướng phát triển của mối quan hệ trong tương lai. Như nhiều đại biểu đã nhận xét trong Hội thảo này, năm nay là một năm vô cùng quan trọng và có ý nghĩa tượng trưng cho mối quan hệ song phương. Năm 2005 không chỉ là năm kỷ niệm 10 năm bình thường hóa quan hệ song phương mà còn kỷ niệm 30 năm chấm dứt chiến tranh. Đây chính là thời điểm thích hợp để đánh giá và định lượng những tiến bộ của chúng ta và tập trung vào con đường phát triển trong tương lai.

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1995, chúng ta đã tạo dựng được những mối quan hệ quan trọng trong nhiều lĩnh vực, chỉ xin nêu một số như thương mại và đầu tư, y tế, giáo dục, văn hóa và an ninh. Mối quan hệ song phương ngày càng trở nên phức tạp và đa chiều. Kể từ khi Hiệp định Thương mại Song phương có hiệu lực tháng 12/2001, thương mại hai chiều đã phát triển mạnh mẽ và hiện đã trở thành nền tảng vững chắc cho mối quan hệ hai bên cùng có lợi.

Là một đối tác kinh tế đang lớn mạnh, Việt Nam đã mở ra những triển vọng đầy hứa hẹn về một mối quan hệ chặt chẽ hơn nữa với Hoa Kỳ. Hãy chú ý tới điểm này: theo Ngân hàng Thế giới, Việt Nam là quốc gia có hơn 82 triệu dân với mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm mới chỉ đạt 537 đô-la. Tuy nhiên, mức thu nhập đó đang tăng lên rất nhanh và bền vững, ít nhất là tại thời điểm hiện nay. Việt Nam cũng mong muốn trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Cho dù quý vị có cho đây là một mục tiêu thực tế hay không đi chăng nữa thì quý vị cũng phải thừa nhận rằng những người dân Việt Nam rất giàu nhiệt huyết và có đầu óc kinh doanh, say mê học hành và còn rất trẻ. Ngoài ra còn có hơn 1,5 triệu Việt kiều hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Nhiều người trong số họ có mối quan hệ chặt chẽ với Việt Nam, họ đã trở thành nguồn nhân lực và tài lực sẵn sàng đón nhận những cơ hội xây dựng mối quan hệ kinh tế và thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Là một thị trường tiêu thụ và là nhà cung cấp tiềm năng cho thị trường Hoa Kỳ, Việt Nam có tiềm năng rất đáng chú ý. Nhờ sự thành công của Hiệp định Thương mại Song phương, Hoa Kỳ đã tích cực ủng hộ những nỗ lực gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới của Việt Nam năm nay. Mối quan hệ kinh tế đang phát triển của chúng ta sẽ thúc đẩy sự phát triển của xã hội dân sự của Việt Nam, khuyến khích Chính phủ Việt Nam đẩy mạnh tiến độ đổi mới kinh tế và hội nhập sâu hơn vào hệ thống thương mại quốc tế dựa trên

luật định. Tất cả những diễn biến đó, theo chúng tôi, sẽ nâng cao mức sống của người dân Việt Nam cũng như sự ổn định và an ninh ở khu vực Đông Nam Á. Kết quả cuối cùng sẽ là một xã hội hùng mạnh hơn và năng động hơn, một quốc gia với tư cách là một lực lượng ổn định và mạnh mẽ, thúc đẩy an ninh và tiên bộ trong khu vực và trên thế giới.

Chúng ta hãy cùng nhìn lại quá khứ để xem có thể kỳ vọng điều gì trong tương lai: nhờ việc giảm thuế quan thông qua quá trình đàm phán Hiệp định Thương mại Song phương, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã tăng khoảng 128% trong năm 2002, 90% trong năm 2003 và 16% trong năm 2004 trong khi kim ngạch xuất khẩu hàng năm của chúng ta sang Việt Nam, nhờ việc bán một số máy bay Boeing, đã tăng gần ba lần trong cùng thời kỳ. Tốc độ phát triển thương mại hai chiều – tăng mạnh hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng kinh tế – đã chứng tỏ kết quả của những gì đã diễn ra khi chúng ta dùng “búa” phá tan những rào cản nhân tạo trong quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ.

Một trong những lĩnh vực thành công nhất trong mối quan hệ thương mại song phương chính là ngành hàng không. Hãng Boeing đã đạt được thành công đáng kể trong việc cung cấp máy bay cho hãng hàng không quốc gia Việt Nam khi hãng này đang nhanh chóng mở rộng tuyến đường bay và số lượng máy bay. Dường như Boeing còn khẳng định thế mạnh của mình nhiều hơn nữa tại Việt Nam với việc bán bốn chiếc máy bay đời mới 787 đầu tiên, dự kiến sẽ được hoàn tất trong thời gian tới.

Việc ký hiệp định dịch vụ hàng không song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam cuối năm 2003 cũng đánh dấu một bước ngoặt khác trong ngành hàng không. Nhờ hiệp định này nên vào tháng 12/2004, các chuyến bay thương mại trực tiếp giữa hai nước đã được tái lập khi hãng hàng không United Airlines khởi đầu các chuyến bay trực tiếp hàng ngày từ San Francisco tới thành phố Hồ Chí Minh. Vietnam Airlines cũng dự kiến sẽ bắt đầu mở đường bay trực tiếp tới Hoa Kỳ.

Đầu tư cũng là một khía cạnh quan trọng khác trong quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ. Mặc dù hiện nay mới ở giai đoạn đầu nhưng đầu tư hứa hẹn tiềm năng lớn. Các con số chính thức của Việt Nam cho thấy tổng đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ trong năm 2004 đã tăng tới trên 1,28 tỷ đô-la, nhưng con số đó chưa nói lên được tổng số trên thực tế. Số liệu này chưa tính tới đầu tư từ các công ty con của Hoa Kỳ tại Singapore và những quốc gia khác trong khu vực, ví dụ chỉ riêng Conoco-Phillips đã đầu tư gần một tỷ đô-la. Nếu tính cả những khoản đầu tư như vậy thì tổng số đầu tư có liên quan tới Hoa Kỳ tính tới năm 2003 đã lên tới 2,6 tỷ đô-la.

Việt Nam muốn thu hút nhiều hơn nữa đầu tư của Hoa Kỳ để giúp bù đắp lại khoản thiếu hụt vốn trong nước và để xây dựng nền tảng công nghệ và nguồn nhân lực. Vốn đầu tư của Hoa Kỳ đã giúp tăng cơ hội việc làm, khả năng làm việc và các cơ hội kinh tế cho 1,5 triệu thanh niên Việt Nam tham gia thị trường việc làm mỗi năm. Thu hút những khoản đầu tư như vậy từ Hoa Kỳ và những khu vực khác có ý nghĩa vô cùng quan trọng nếu Việt Nam muốn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao để có thể đạt các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tôi đã đi thăm nhiều nơi ngoài Hà Nội và thường xuyên gặp gỡ các nhà lãnh đạo chính trị và doanh ở đó. Họ luôn yêu cầu “đầu tư nhiều hơn nữa từ phía Hoa Kỳ.” Giá mà tôi có một nút bấm kỳ diệu nào đó ở văn phòng của tôi để có thể bấm nút tăng lượng đầu tư: tôi sẽ đầu tư nhiều hơn vào Hải Phòng hoặc Đà Nẵng.

Nhưng rõ ràng bản thân tôi không làm được. Các nhà đầu tư Hoa Kỳ có quyết định của riêng họ trên cơ sở tính toán hơn thiệt. Nếu đầu tư của Hoa Kỳ đổ vào các quốc gia khác chứ không phải Việt Nam thì lý do là vì các nhà đầu tư nhận thấy những thị trường đó đem lại cho họ nhiều lợi hơn. Nếu muốn thu hút nhiều hơn nguồn vốn tương đối khan hiếm đó thì Việt Nam phải cải thiện tình hình đó. Lợi tức là một lĩnh vực mà Chính phủ Việt Nam có thể, và nên cải thiện bằng cách giảm chi phí đầu tư tại Việt Nam. Những nhà quyết sách trong các công ty của Hoa Kỳ phải tính tới chi phí của tệ quan liêu, những khoản thuế và lệ phí không thể lường trước, thủ tục cấp phép phiền hà và những rào cản pháp lý và cá tệ tham nhũng khi tính toán chi phí đầu tư. Hiện nay Việt Nam vẫn bị coi là nơi tiếp nhận đầu tư tương đối rủi ro hơn và tốn kém hơn bởi vì ở Việt Nam những vấn đề nêu trên diễn ra thường xuyên hơn so với những quốc gia đang cạnh tranh thu hút đầu tư khác. Và hơn hết, pháp quyền lỏng

lèo cùng những rào cản về thuế và luật pháp còn tiềm ẩn đối với công việc kinh doanh – chẳng hạn việc đánh thuế bất ngờ đối với những chiếc xe mới mà các hãng sản xuất xe hơi như Ford phải gánh chịu sau khi xây dựng một nhà máy trị giá 100 triệu đô-la tại Việt Nam – là những nhân tố rủi ro nữa mà các nhà đầu tư tiềm năng phải tính tới khi tìm kiếm cơ hội kinh doanh tại Việt Nam.

Kết quả là mặc dù có tiềm năng đem lại nguồn lợi lớn, song Việt Nam vẫn là một lựa chọn đầu tư không chắc chắn trong tính toán của nhiều doanh nghiệp Hoa Kỳ. Dầu vậy, tương lai vẫn sáng lạn và đầy triển vọng: những rủi ro và khó khăn trong đầu tư tại Việt Nam đang dần được giảm bớt từ nhiều hướng khác nhau, từ phía các quan chức chính phủ ở trung ương thực thi Hiệp định Thương mại Song phương và các cam kết với WTO cho tới những nhà cải cách pháp luật đang hoàn thiện Luật Thương mại Việt Nam, tới các cán bộ địa phương năng động sẵn sàng đấu tranh bảo vệ quyền của các nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo nhu cầu tối cần thiết về công ăn việc làm và công nghệ. Đó chính là xu thế đang diễn ra tại Việt Nam: ích lợi của việc đầu tư trong một nền kinh tế đang phát triển mạnh không ngừng tăng lên trong khi những chi phí và rủi ro kinh doanh liên tục giảm xuống. Nhiệm vụ của Chính phủ Việt Nam là giữ cho hai xu thế đó đi đúng hướng.

Giúp Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế trước những thách thức xuyên quốc gia là một lĩnh vực mà Hoa Kỳ đang có những đóng góp lớn. Tổng thống Bush đã nêu Việt Nam là một trong 15 quốc gia được ưu tiên nhận viện trợ trong khuôn khổ Kế hoạch Cứu trợ AIDS Khẩn cấp của ông. Lý do chính khiến Tổng thống Bush lựa chọn Việt Nam là quốc gia ưu tiên thứ 15 – và là quốc gia duy nhất ở châu Á – là vì Việt Nam có khả năng không chế đại dịch này thực sự nếu có hành động kịp thời. Tuy nhiên nếu chúng ta thất bại thì tổn thất về người và các chi phí khác sẽ vô cùng lớn. Đã từng công tác tại Kenya cuối những năm 1990, tôi đã tận mắt chứng kiến sự tàn phá của đại dịch HIV/AIDS đối với một quốc gia tràn đầy sức sống. Số tiền viện trợ chúng tôi cung cấp – 17 triệu đô-la vào năm ngoái, 25 triệu đô-la trong năm nay và con số tương tự trong tương lai – sẽ giúp hạn chế sự lan tràn của căn bệnh nguy hiểm này, đồng thời chăm sóc những người đang sống cùng với HIV/AIDS. Viện trợ cũng sẽ đóng vai trò quan trọng giúp Việt Nam đi đúng hướng trên con đường hiện đại hóa nền kinh tế và hội nhập đầy đủ vào thị trường thế giới.

Những mối quan ngại tương tự cũng thôi thúc những nỗ lực hợp tác của chúng tôi với chính phủ Việt Nam nhằm chống lại bệnh cúm gia cầm. Sự lan tràn của căn bệnh này và nhiều căn bệnh truyền nhiễm khác đe dọa mạng sống và sinh kế của nhiều người, có thể gây ra những hậu quả khôn lường đối với sự ổn định trong khu vực và, trong trường hợp xấu nhất, có thể là toàn thế giới. Hoa Kỳ và Việt Nam đều thấy rõ lợi ích chung trong việc ngăn chặn những mối đe dọa này.

Điều quan trọng không kém là, trong vòng 10 năm qua, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ đã phát triển trên nhiều phương diện mà nhiều học giả đã cho là khó có thể, nếu không muốn nói là không thể. Chẳng hạn, trong lĩnh vực quốc phòng và tiếp xúc giữa quân đội hai nước, mối quan hệ của chúng ta đã phát triển rất nhanh chóng. Tháng 11/2003, Tướng Phạm Văn Trà, Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam, đã đến thăm Washington và gặp gỡ Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld. Ngay sau đó là lần cập cảng đầu tiên của một tàu chiến Hoa Kỳ tới thăm nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hiện chúng ta đang tiến hành nhiều chương trình hợp tác trong lĩnh vực y tế quân đội và đang tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai quân đội về các chương trình giáo dục.

Quân sự và quốc phòng thường là những vấn đề nhạy cảm nhất trong bất cứ mối quan hệ nào, do đó những mối quan hệ sâu sắc này là một dấu hiệu quan trọng chứng tỏ sự tin tưởng lớn hơn và tinh thần hợp tác chặt chẽ giữa hai nước. Hoa Kỳ và Việt Nam không còn bất cứ bất đồng nào có thể làm cơ sở cho việc hình dung quân đội hai nước giao chiến với nhau – Hoa Kỳ tôn trọng chủ quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và kiên quyết chống lại bất cứ nỗ lực nào nhằm chia rẽ hay gây rối biên giới của Việt Nam. Trái lại, chúng ta có lợi ích chung trong việc đảm bảo an ninh trong khu vực và trên thế giới. Mối quan hệ hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng hiện nay của chúng ta là những bước đi đầu tiên nhằm tìm ra một phương cách phù hợp để cả hai nước có thể cùng nhau đối phó với những thách thức an ninh trong thế kỷ 21.

Khi kỉ niệm 30 năm ngày kết thúc cuộc chiến, chúng ta không được quên những người đã hy sinh trong cuộc xung đột khủng khiếp đó ở cả hai phía. Cách tốt nhất để làm điều đó là duy trì nỗ lực tìm kiếm đầy đủ nhất những quân nhân bị mất tích của chúng ta trong cuộc xung đột tại Đông Dương. Hợp tác trong sứ mệnh nhân đạo đó là động lực đầu tiên giúp chúng ta cải thiện quan hệ, và công việc này sẽ vẫn là một trong những ưu tiên hàng đầu của chúng ta. Ngay tại thời điểm này, có nhiều nhóm làm việc khắp nơi trên lãnh thổ Việt Nam đang tiến hành những hoạt động tìm kiếm và khai quật. Tôi xin chân thành cảm ơn những con người tận tâm đó, cả nam lẫn nữ, cả người Việt lẫn người Mỹ, đã gắng hết sức mình tìm câu trả lời cho những người thân của những quân nhân này. Tôi cũng thường xuyên kêu gọi chính phủ Việt Nam duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ và có những bước đi cụ thể cho phép tiếp cận đầy đủ các tài liệu lưu trữ, tăng cường các hoạt động phối hợp tại Tây Nguyên và cùng nhau tìm kiếm, khai quật dưới nước.

Mối quan hệ của chúng ta với Việt Nam trong những lĩnh vực vốn đã từng bị coi là nhạy cảm cũng đang phát triển, chẳng hạn như trong lĩnh vực chống khủng bố và thực thi luật pháp. Mặc dù còn có nhiều điều mà tôi cho tin rằng chúng ta có thể làm được – nhất là trong lĩnh vực thực thi pháp luật – chúng ta đã đạt được nhiều tiến bộ trong những năm gần đây, nổi bật nhất là việc ký hiệp định song phương về chống ma túy hồi năm ngoái. Hiệp định này tạo thúc đẩy các chương trình đào tạo để các cán bộ thực thi pháp luật của Việt Nam có thể học hỏi những kinh nghiệm và chuyên môn từ phía chuyên gia Hoa Kỳ trong việc ngăn chặn nguồn ma túy đổ vào và thông qua Việt Nam.

Chúng tôi hy vọng bằng cách xây dựng những nhịp cầu như vậy, chúng ta sẽ có thể mở rộng quan hệ hợp tác trong tương lai để có nhiều nỗ lực chung, trực tiếp hơn nhằm ngăn chặn những kẻ buôn bán ma túy và các tổ chức tội phạm khác. Các quan chức chống ma túy của Hoa Kỳ có quan hệ hợp tác và cộng tác chặt chẽ với các đồng nghiệp của họ trên toàn thế giới – từ Trung Quốc tới Đông Âu, tới Nam Mỹ và châu Phi. Những mối quan hệ đối tác đó – giữa các cảnh sát với nhau, cùng chung lưng đấu cật truy bắt tội phạm – là cần thiết bởi lẽ mạng lưới tội phạm ma túy và buôn người không hề quan tâm tới biên giới và có thể lợi dụng bất cứ trở ngại hành chính nào trong quá trình ngăn chặn chúng.

Ngay tại thời điểm này, việc Việt Nam lưỡng lự không hợp tác trực tiếp với các nhân viên thực thi luật pháp từ Hoa Kỳ hay bất cứ quốc gia nào khác cũng đều khiến Việt Nam trở thành mắt xích yếu kém trong chuỗi tranh chống tội phạm xuyên quốc gia. Trong mấy tháng gần đây, chúng tôi đã gạt hái được một số thành công, đã thuyết phục được phía Việt Nam tịch thu số tiền buôn lậu ma túy từ một hành khách và dàn xếp dẫn độ một số đối tượng bị truy nã từ Việt Nam về Hoa Kỳ. Giờ đây chúng ta phải dựa trên những bước khởi đầu đó để xây dựng mối quan hệ làm việc chặt chẽ và hiệu quả hơn. Tôi tin rằng theo thời gian, các quan chức thực thi pháp luật của Việt Nam sẽ nhận thấy những lợi ích trong việc hợp tác với chúng ta. Tôi khuyến khích họ hợp tác càng sớm càng tốt.

Nhiều người Mỹ đã ngạc nhiên tại sao mối quan hệ của chúng ta với Việt Nam lại mở rộng trên nhiều lĩnh vực như vậy trong một khoảng thời gian ngắn đến thế. Theo tôi lý giải rõ nhất chính là nhận thức – từ cả hai bờ Thái Bình Dương – về tầm quan trọng của mối quan hệ ổn định và hiệu quả. Cho dù cả hai nước chúng ta đã có lịch sử không mấy thuận lợi, song một điều rõ ràng là cả Việt Nam và Hoa Kỳ hiện không có sự khác biệt về chiến lược. Trên thực tế, có nhiều lĩnh vực Hoa Kỳ và Việt Nam cùng chung lợi ích hoặc có lợi ích song trùng.

Việt Nam và Hoa Kỳ còn có mối quan tâm chung trong lĩnh vực an ninh. Cả hai nước cùng mong muốn hòa bình ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương và đều tin rằng sẽ không thể có tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng nếu không có một môi trường an ninh ổn định.

Cũng như chúng ta, Việt Nam phản đối việc phát triển và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), và cũng giống như các thành viên của Hội đồng Giám đốc Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA), chúng tôi rất hài lòng rằng, chúng ta có thể thảo luận với những người đồng nhiệm Việt Nam về những vấn đề quốc tế hai bên cùng quan tâm. Việt Nam, thông qua APEC, đã công khai kêu gọi Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên tôn trọng cam kết từ bỏ chương trình vũ khí hạt nhân của

minh. Đó là việc làm có ý nghĩa không nhỏ nếu xét tới mối quan hệ khăng khít truyền thống giữa Hà Nội và Bình Nhưỡng.

Việt Nam và Hoa Kỳ cùng phản đối nạn khủng bố toàn cầu. Các nhà lãnh đạo Việt Nam đã thẳng thắn phát biểu về sự cần thiết phải đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố và Việt Nam là một thành viên tích cực trong những nỗ lực chống chủ nghĩa khủng bố trong khu vực, nhất là trong khuôn khổ Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á.

Hoa Kỳ và Việt Nam cũng cùng chung lợi ích trong việc đảm bảo châu Á vẫn là một khu vực an toàn và ổn định, nơi tất cả các dân tộc có quyền được sống, được phát triển và giao thương hữu hảo, một khu vực nơi những thách thức an ninh như phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, chủ nghĩa khủng bố, tội phạm quốc tế, ma túy và các mối đe dọa với môi trường có thể được giải quyết thông qua các thiết chế vững mạnh tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Châu Á cần có một kiến trúc thể chế mở, toàn diện ở cấp độ khu vực để các quốc gia trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương có thể cùng nhau hợp tác, giải quyết có hiệu quả các vấn đề như buôn lậu vũ khí hạt nhân và cứu trợ thảm họa sống thân. Kiến trúc đó cần phải minh bạch, toàn diện và tôn trọng quyền và lợi ích của các quốc gia, cả lớn lẫn nhỏ. Chúng tôi thấy APEC – Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương – là nhân tố chủ chốt trong kiến trúc đó, đồng thời hỗ trợ sự phát triển của các thiết chế khác nhằm đáp ứng những điều kiện này. Việt Nam và Hoa Kỳ cùng có lợi ích trong lĩnh vực này, nhất là khi Việt Nam sẽ đăng cai tổ chức hội nghị APEC trong năm tới.

Lẽ dĩ nhiên, trong bất cứ mối quan hệ song phương nào, ngay cả giữa các đồng minh thân cận hay giữa các đối tác mới đều có những va chạm và những điểm bất đồng. Trên thực tế - và xét ở một mức độ nào đó, trái với những gì chúng ta thường nghĩ – hai quốc gia càng thắt chặt quan hệ bao nhiêu và phạm vi quan hệ càng rộng bao nhiêu thì số vấn đề nảy sinh lại càng lớn bấy nhiêu.

Tôi cho rằng đây chính là vị trí của quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ hiện nay, nhưng đó không phải là điều mà chúng ta hối tiếc hay tìm cách thay đổi. Sẽ luôn có những lĩnh vực mà Hoa Kỳ và Việt Nam đều không nhìn về một hướng. Điều đó không có nghĩa là chúng ta nên thanh minh hay phớt lờ những vấn đề còn bất đồng vì lợi ích chung của tổng thể mối quan hệ. Điều đó cũng không có nghĩa là chúng ta nên lấy khía cạnh này của mối quan hệ làm “con tin” cho khía cạnh khác. Trái lại, điều khó khăn là phải chế ngự, và hy vọng, tìm ra những giải pháp vượt qua những bất đồng giữa chúng ta để chúng không phủ bóng đen hay làm suy yếu đi mối quan hệ tổng thể giữa hai nước.

Một lĩnh vực mà chúng ta còn nhiều điểm bất đồng với Việt Nam là nhân quyền, trong đó có tự do tôn giáo. Như Bộ Ngoại giao đã miêu tả trong Báo cáo Nhân quyền và Tự do Tôn giáo, Chính phủ Hoa Kỳ lo ngại nghiêm trọng về tình hình nhân quyền và tự do tôn giáo tại Việt Nam. Chính phủ Việt Nam tiếp tục không khoan dung đối với quan điểm bất đồng về chính trị và hạn chế khá nhiều quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp và lập hội.

Có một sự thật rõ ràng là hiện nay Việt Nam đã bớt đàn áp hơn so với cách đây một thập niên. Người Việt Nam được hưởng quyền tự do cá nhân nhiều hơn và trong cuộc sống họ được tự chủ hơn. Xét theo góc độ đó thì đã có những tiến bộ vượt bậc. Và Chính phủ Việt Nam tự hào và có lý khi ca ngợi những tiến bộ trong việc đảm bảo quyền con người “nói chung” như giáo dục và giảm đói nghèo. Tuy nhiên, vẫn có thể làm được nhiều hơn thế.

Chúng ta cần chứng minh với các nhà chức trách Việt Nam rằng việc mở rộng quyền tự do cá nhân, đề cao và tôn trọng pháp quyền sẽ là cơ sở cho việc tăng cường hội nhập quốc tế và hợp tác với Hoa Kỳ hơn nữa.

Để bày tỏ mối quan ngại của chúng ta về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, kể cả khả năng được tự do hành đạo của một số công dân Việt Nam, tháng 9 vừa qua, Hoa Kỳ đã xếp Việt Nam vào danh sách các Quốc gia cần theo dõi vì vi phạm tự do tôn giáo. Thực tế là mặc dù hàng triệu người Việt Nam theo những tín ngưỡng khác nhau, song có một bộ phận không nhỏ công dân Việt Nam không

được tự do thờ cúng và hành đạo theo ý muốn. Và đây chính là điều chúng ta không thể nhắm mắt làm ngơ.

Chính phủ Việt Nam đã yêu cầu chúng ta tập trung vào đa số những người đã hài lòng và những người được tự do theo đạo hoặc không theo đạo mà họ cho là phù hợp chứ không nên tập trung vào một số ít người phàn nàn rằng họ bị đàn áp. Nhưng chính việc đối xử với nhóm thiểu số và việc tôn trọng quyền của những người có thể phản đối chính phủ mới xác định quốc gia đó có tôn trọng quyền con người hay không. Và mặc dù điều đó có thể khiến các nhà chức trách Việt Nam tức giận, chúng ta cũng sẽ không ngừng ủng hộ cho những ai phải chịu thiệt thòi vì niềm tin của họ.

Chúng ta đã thấy một số dấu hiệu đáng khích lệ chứng tỏ tình hình đang được cải thiện. Thủ tướng Việt Nam gần đây đã ban hành Chỉ thị về Đạo Tin lành, trong đó quy định rõ ràng việc cấm cưỡng bức bỏ đạo. Chúng tôi cũng hài lòng về việc ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh về Tôn giáo được đưa ra năm ngoái. Các quy định này cho phép các nhà thờ chưa đăng ký với chính quyền có thể đăng ký hoạt động và hành đạo một cách hòa bình mà không sợ bị can thiệp. Đây chính là hình thức bảo vệ quyền tôn giáo, thể hiện quyền tự do tôn giáo. Chúng tôi hy vọng, cùng với việc thực hiện các văn bản pháp luật mới và những tiến bộ đạt được trong lĩnh vực tự do tôn giáo, vấn đề này có thể được chuyển sang góc độ tích cực trong mối quan hệ song phương.

Một dấu hiệu tiến bộ đáng hoan nghênh khác là việc ban hành lệnh ân xá vào dịp Tết cho số tù nhân đáng quan tâm như Bác sỹ Quế và Cha Lý. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều cá nhân đang bị giam trong các nhà tù của Việt Nam chỉ vì bày tỏ tín ngưỡng một cách hòa bình hoặc hành đạo. Những người này bao gồm nhà báo Nguyễn Vũ Bình, Cha Nguyễn Thiên Phùng, Bác sỹ Phạm Hồng Sơn, nhà văn Nguyễn Khắc Toàn, hoà thượng Bùi Tun Nhã đạo Hòa Hảo. Tôi đã kêu gọi và sẽ tiếp tục kêu gọi các nhà chức trách Việt Nam thả những người này và những người khác giống họ. Tôi hy vọng tất cả quý vị sẽ cùng quan tâm và quan ngại và làm những gì có thể để ủng hộ công việc này.

Chúng tôi cũng vẫn lo ngại về tình hình ở Tây Nguyên. Các dân tộc thiểu số sống ở đó có những bức xúc chính đáng mà các nhà chức trách không giải quyết thấu đáo, trong đó có vấn đề nghèo đói, phân biệt đối xử trong công ăn việc làm, các vấn đề về quyền đất đai và hạn chế quyền tự do tôn giáo.

Trong việc giải quyết những bức xúc đó và những vấn đề khác mà chúng ta phải quan tâm – và chắc chắn sẽ có những vấn đề khác mà chúng ta thậm chí chưa nghĩ tới nhưng chúng ta cũng cần phải quan tâm – tôi thấy trách nhiệm của mình và của những nhân viên của tôi trong cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam là phải giúp giảm thiểu mọi nghi ngờ giữa hai nước chúng ta bằng cách phát huy tối đa trao đổi thông tin và tăng cường hiểu biết lẫn nhau.

Tôi biết một số trong các quý vị có thể cho rằng điều đó nghe có vẻ ngoại giao, nhưng tôi có thể đảm bảo chắc chắn rằng không phải như vậy. Nếu chúng ta nhìn lại, cách đây không lâu Hoa Kỳ và Việt Nam đã từng xa cách như thế nào, chúng ta đã kiên quyết chống lại nhau như thế nào – thì tôi tin rằng chính nhờ những nỗ lực của cả hai nước nhằm xây dựng những nhịp cầu, tăng cường trao đổi và tạo bầu không khí tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau thì chúng ta mới có thể thực hiện được những gì chúng ta đã có trong thập niên vừa qua. Tôi có thể đảm bảo chắc chắn rằng những nỗ lực như vậy sẽ vẫn tiếp tục.

Nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, những nỗ lực ngoại giao nhân dân của chúng ta ở Việt Nam tập trung vào việc giáo dục và đào tạo các quan chức, nhà báo, sinh viên và công chúng về những giá trị và thể chế của Hoa Kỳ cũng như đề cao tầm quan trọng của các chương trình trao đổi giữa hai dân tộc như một phần trong khuôn khổ quan hệ song phương của chúng ta. Việt Nam có chương trình Fulbright lớn nhất trên thế giới. Điều đó không chỉ giúp tăng cường cơ hội trao đổi học thuật mà còn tạo điều kiện cho các học giả Việt Nam trở về nước và giúp phát triển các lĩnh vực có tiềm năng lớn ở Việt Nam như khoa học, công nghệ và khoa học xã hội.

Nhưng không phải chỉ có công việc của các sứ quán và các quan chức chính phủ mới có thể xây dựng

những cầu nối và giúp hai nước xích lại gần nhau hơn. Ngay những hoạt động như Hội thảo này, bằng cách tạo điều kiện cho các đại biểu từ hai nước có thể ngồi lại cùng nhau và chia sẻ ý kiến, cũng có thể đóng vai trò chủ yếu trong việc xóa bỏ những hiểu lầm và xây dựng lòng tin. Trao đổi giáo dục, các chuyến tham quan văn hóa, du lịch – tất cả những lĩnh vực thường không được tính vào sức mạnh quốc gia và quan hệ đối ngoại – lại có vai trò cực kỳ quan trọng trong quan hệ song phương Việt Nam-Hoa Kỳ.

Do đó, xét từ nhiều góc độ, nhiệm vụ của quý vị - các học giả, các nhà giáo dục và những người có quan hệ ở cả hai quốc gia – là phải sử dụng chuyên môn, kinh nghiệm và mối quan hệ của mình để làm bất cứ những gì có thể nhằm xây dựng mối quan hệ vẫn còn non trẻ nhưng ngày càng trở nên quan trọng này. Về phần mình, tôi sẽ tiếp tục làm tất cả những gì có thể và tôi hy vọng các quý vị cũng chia sẻ với những hy vọng và niềm lạc quan của tôi về tương lai, và cũng sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình.

Xin cảm ơn.

[Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội](#)
[Phòng Thông tin - Văn hóa](#) | [Phòng Thương vụ](#) | [Phòng Nông nghiệp](#)
[Phòng Lãnh sự](#) | [Chương trình Fulbright](#)
[Nhà Trắng](#) | [Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ](#)
irchanoi@state.gov

[Bảo vệ thông tin cá nhân](#)

Trang web này do Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội xây dựng và cập nhật.

Cập nhật: 04/06/2005